

Trống Đồng Sơn

Cho đến ngày hôm nay, trống đồng vẫn còn là mối bất hoà giữa công đồng khoa học Vietnam và Trung Quốc. Đối với người dân Việt, các trống đồng là một phát minh phi thường và tuyệt vời của các nông dân công nhân kim khí ở thời các vua Hùng, những người sáng lập vương quốc Văn Lang. Chính ở đồng bằng Sông Hồng mà nhà khảo cổ Pháp Louis Pajot đã tìm thấy ở Đồng Sơn (Thanh Hóa) vào năm 1924 nhiều trống đồng trong các đồ vật khai quật (tượng nhỏ, dao găm, rìu, đồ trang sức vân vân ...) biểu lộ ngành kim khí tinh vi và một nền văn hóa đã có ít nhất 600 năm trước công nguyên. Người dân Việt không những tìm lại được qua nền văn hóa này nguồn gốc và rất lấy làm hãnh diện được kết nối lại với sợi chuỗi lịch sử mà họ đã mất từ lâu. Đối với nhà nghiên cứu Pháp Jacques Népote, các trống đồng trở thành là một tiêu biểu quốc gia của người dân Việt. Còn với Trung Quốc, các trống đồng này thuộc về dân Bốc Việt (Pu/Liao), một nhóm dân thiểu số Việt sống ở vùng Vân Nam. Trung Quốc muốn dựa trên sự kiện này để nói lên sự thành công trong tiến trình trao đổi văn hóa và hỗn hợp giữa các dân tộc thiểu số mà còn làm vẻ vang sáng ngời một nền văn hóa đa dân tộc tuyệt vời của Trung Quốc. Dù có sự bất đồng ý kiến, người dân Việt cũng như người Trung Hoa đều nhất trí và đồng ý là khu vực mà có trống đồng chỉ nằm ở miền nam Trung Quốc và miền bắc Vietnam hiện nay nhất là còn tìm thấy sự hiện diện trống đồng ở một khu vực rộng hơn như Thái Lan, Cao Miên, Lào, Miến Điện, Nam Dương và các đảo La Sonde. Tuy các trống đồng được rải rác nhiều nơi, người ta cũng thấy được có sự liên hệ văn hóa cơ bản giữa các dân cư nhìn thoáng qua có vẻ khác nhau từ thời sơ sử hay là hiện đại. Trước hết, trong tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) nơi mà sông Hồng lấy nguồn nước, trống đồng được xác nhận có từ thế kỷ thứ 6 trước CN và được sử dụng đến thế kỷ thứ nhất trước khi Điền Quốc bị thôn tính bởi người Hán. Qua những chiếc bình đồng dùng để chứa các vỏ sò dùng làm đồng tiền bản xứ mà khám phá được ở Shizhaishan (Jinning) và được trang trí ở phần trên với các nhân vật hay các con thú dùng để tế lễ thì người ta nhận thấy có « họ hàng », một liên quan khó chối cãi giữa Điền Quốc và người Đồng Sơn. Rồi đến các cư dân sống vùng tây nguyên (Gia Rai, Ba Na, Hơ Bào) ở Vietnam, người ta cũng thấy sự tôn thờ trống đồng. Thông thường được cất ở nhà rông, trống đồng chỉ được mang ra để mời mọi người dự lễ tế trâu hay là khi có lễ tang. Nhà nhân chủng học Pháp Yves Goudineau miêu tả lại lễ tế trâu từ các nhận xét của ông với dân tộc Cơ Tư (Kantou) ở dãy núi Trường Sơn. Trống đồng (hay lakham) dùng để ngắt dịp kèm theo các lời ai oán, điều chỉnh theo nhịp các cuộc nhảy múa vòng lên xuống chung quanh trụ Gươ (như cây nêu) nhằm dựng lại nền tảng vũ trụ hay là cầu thần Yàng đem lại sự an lành cho buôn làng. Các dân làng Cơ Tư xem các nhạc cụ thiêng liêng này như là một di sản có tính cách siêu việt. Trống đồng còn được thấy ở Miến Điện với dân tộc Karen. Sau cùng luôn ở đảo Alor, rất cách xa Vietnam, trống đồng dùng để thể hiện quyền lực, cương vị, quà cưới vân vân... Chính ở đây trống đồng được gọi là mokko mà vai trò của nó cũng tựa như trống đồng Đồng Sơn. Nguyên mẫu của trống đồng vẫn là trống vĩ đại « Trống

Pedjeng » (Bali) cao gần hai thước và cách trang trí hình học rất gần với truyền thống Đồng Sơn. Chúng ta cũng không nên quên rằng có 75 thành trì rải rác ở trên lãnh thổ của đại tộc Bách Việt hưởng ứng với cuộc nổi dậy của hai bà Trưng Trắc và Trưng Nhị. Có lẽ vì lý do này, dưới thời kỳ đô hộ của người Hán, người dân Bách Việt cũng như người Giao Chỉ buộc lòng phải chôn cất giấu dưới đất tất cả trống đồng nếu không sẽ bị huỷ diệt theo phương pháp triệt để của Mã Viện. Bởi thế mới có sự giải thích vì lý do nào mà có một số trống đồng bị chôn cất ở lãnh thổ của dân Bách Việt như Quảng Tây (Kouang Si), Kouang Tong (Quảng Đông), Hunan (Hồ Nam), Yunnan (Vân Nam), miền bắc Vietnam từ khi các nơi này bị xâm chiếm dưới thời kỳ nhà Tần và nhà Hán. Có cả chỉ dụ của Lữ Hậu (vợ của Hán Cao Tổ Lưu Bang) qui định vào năm 179 trước Công Nguyên rằng bất cứ ai cũng không có quyền bán hay giao cho người Việt (hay Yue) tất cả những dụng cụ nông nghiệp. Trong các biên sử của Trung Hoa, các trống đồng được nhắc đến với một cách khinh bỉ tại vì các trống đồng thuộc về Man Di hay Bách Việt, xem như là dân mọi rợ. Chỉ có dưới triều đại nhà Minh thì người Hoa mới bắt đầu nói đến với những lời khiêm tốn từ khi sứ giả Trung Hoa Trần Lương Trung của Nguyên triều có nhắc đến trong một bài thơ Cảm sự khi ông sang Vietnam dưới thời vua Trần Nhân Tôn (1291) :

Bóng lòe gươm sắc lòng thêm đặng
Tiếng rộn trống đồng tóc đốm hoa.

Ông phải kinh sợ khi ông nghĩ đến người dân Việt chống lại giặc Mông Cổ theo tiếng nhíp của trống. Trong các bài thơ của người Hoa, không bao giờ họ xem trống đồng là di sản văn hóa của người Hán mà họ xem đây là sản phẩm của các dân tộc sống ở miền nam Trung Hoa. Cũng có bao nhiêu lần họ nhắc đến qua các bài thơ mà cần chỉ trích lại đây vài câu như sau:

Ngõa bôi lưu hải khách
Đồng cổ trại giang thần

Chén sành lưu khách biển
Trống đồng tế thần sông

Hay là

Thử dạ khả liên giang thượng nguyệt
Di ca đồng cổ bất thăng sâu !

Đêm nay trăng sáng trên sông
Trống đồng hát rờ cho lòng buồn thương

Trong bài thơ tựa đề « Thành hà văn dĩ ca » của Trần Vũ, một nhà thơ nổi tiếng thời nhà Đường.

Vào năm 1924, một người dân làng ở Đồng Sơn (Thanh Hoá) thu được một số vật thể trong đó có các trống đồng sau khi có một cuộc lở đất ở sông Mã và đem bán lại cho nhà khảo cổ học Pháp Louis Pajot. Ông này không ngần ngại báo cáo

sự kiện này lại với trường Viễn Đông bác cổ. Sau đó ông được nhà trường bổ nhiệm làm người phụ trách trong việc khai quật địa điểm Đông Sơn. Nhưng ở Phú Lý người ta tìm được trống đồng đầu tiên vào năm 1902. Rồi sau đó các trống đồng khác mua được vào năm 1903 ở Long Đội Sơn và ở làng Ngọc Lữ (tỉnh Hà Nam) bởi Trường Viễn Đông bác cổ. Từ các cuộc khai quật khảo cổ vào năm 1924 và ở chung quanh đồi Đồng Sơn, người ta mới khám phá một văn hóa lạ thường với các mộ thuyền được làm với một thanh gỗ duy nhất có đôi khi đến 4 thước rưỡi bề dài và trong mỗi mộ có một người thiên cổ cùng đồ đạc tang lễ: đồ trang sức, các cây giáo, các dao găm, các rìu, các bình như thạp, bình vân vân ..., có luôn các đồ bằng gốm và nhạc khí (chuông lớn và nhỏ). Hơn nữa trong mộ thuyền còn có các vật thể có hình dáng trọng đại như các trống đồng có cái có hơn 90 cm với một thước bề cao. Hình dáng nói chung thì cũng giản dị: một cái vật thể hình trụ với một cái đáy hơi loe ra hợp thành mặt trên của trống đồng. Chính ở trên mặt này ở giữa có một ngôi sao có nhiều nhánh mà người ta đánh vào ra tiếng âm thanh với cái dùi. Có bốn quai được cài ở giữa thân trống để treo dễ dàng và để di chuyển nhờ các dây bằng kim khí hay dây nhợ. Các trống đồng được đúc qua một cái khuôn bằng đất sét với chất hợp đồng và chì. Nhà khảo cổ người Áo Heine-Geldern là người đầu tiên đề nghị gọi văn hoá này là văn hóa Đông Sơn. Nhưng nhờ có nhà bác học người Áo Franz Heger mà việc phân loại mới được mỹ mãn. Từ 165 trống đồng mua lại, quà tặng hay qua các cuộc khai quật tình cờ ở chùa hay ở vùng các đồng bào thiểu số, ông Heger đã thành công trong việc phân loại này có một ảnh hưởng trong đại trong cộng đồng khoa học thế giới cho đến ngày hôm nay. Cũng là một tài liệu cần thiết nếu ai muốn am hiểu các trống đồng. Việc phân loại của Heger được ghi lại trong hai quyển (Alte metaltrommeln aus Südostasien) được in ở Leipzig năm 1902.

Đặng Anh Tuấn

Références bibliographiques:

Xiao Rong Han: The Present Echoes of the Ancient Bronze Drum: Nationalism and Archeology in Modern Vietnam and China, Explorations in Southeast Asian studies, 1998, Volume 2, no 2

Joseph Buttinger : The smaller dragon: a political history of Viet Nam, Praeger, 1958.

Christine Nguyen Tri: La conquête de l'espace chinois sous les Qin et les Han 221 avant notre ère-220 de notre ère. Cahiers du CEHD, n° 34).

E. Gaspardone: Matériaux pour servir à l'histoire de l'Annam" (BEFEO, 1929)

Cung Đình Thanh: Trống Đồng Đông Sơn, Tập San Tư Tưởng, số 18, 2002

Catherine Noppe: La civilisation Đông Sơn et son rayonnement. Le Vietnam à l'âge du bronze. Le Vietnam des Royaumes. Cercle d'art. Paris, 1995

Yves Goudineau: Tambours de bronze et circumambulations cérémonielles. BEFEO. Année 2000, Volume 87, no 87-2, pp: 553-578

Deniker: Les races et les peuples de la terre, 1926, p 607.

Madeleine Colani: Vestiges d'un culte solaire en Indochine. BIEH, III, 1/2, 1940

Alain Thote: Origine et premiers développements de l'épée en Chine. Comptes-rendus des séances de l'Académie des Inscriptions et Belles Lettres, année 2003, volume 147, no2, pp 703-802

Hà Văn Tấn: Nouvelles recherches préhistoriques et protohistoriques au Vietnam. BEFEO, Tome 68, 1980. pp: 113-154.